

Bản án số: 21/2021/DSST

Ngày: 30-06-2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Khanh;

Ông Nguyễn Lâm Tới.

- Thư ký phiên tòa: ông Châu Kim Sol - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: ông Châu Rét - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 05 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-DS ngày 14 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Duy L, sinh năm 1991. Địa chỉ nơi cư trú: tổ 08, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976 và bà Võ Thị Y, sinh năm 1978. Địa chỉ nơi cư trú: tổ 08, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay: nguyên đơn anh Nguyễn Duy L trình bày:*

Anh L và vợ chồng ông Đ, bà Y là chỗ quen biết nên vào ngày 17/01/2020, anh L cho vợ chồng ông Đ, bà Y vay số tiền 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng), không lãi suất và có làm biên nhận nợ thể hiện trong

“tờ hỏi mượn nợ lập ngày 17/01/2020”; thời hạn vay đến ngày 20/01/2020 sẽ trả dứt nợ. Trong quá trình vay ông Đ, bà Y trả được số tiền là 140.000.000 đồng vào ngày 22/01/2020, số nợ còn lại 130.000.000 đồng, cùng ngày này thì vợ chồng ông Đ, bà Y mượn thêm 15.000.000 đồng được ghi nhận trong tờ hỏi mượn nợ lập ngày 17/01/2020.

Vậy tổng cộng vợ chồng ông Đ, bà Y còn nợ anh L số tiền 145.000.000đ (*một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*). Anh L nhiều lần đến nhắc nhở, đòi lại số tiền cho mượn nhưng ông Đ, bà Y không trả mà còn né tránh anh, không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Duy L yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị Y cùng có trách nhiệm trả số tiền 145.000.000đ (*một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

2. *Quá trình tố tụng*, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho đồng bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị Y như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo yêu cầu bị đơn có ý kiến bằng văn bản và cung cấp tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) nhưng chỉ có nguyên đơn có mặt, bị đơn đều đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 14/06/2021, Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có mặt, vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu của mình; không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm. Bị đơn ông Đ, bà Y tiếp tục vắng mặt không có lý do.

3. *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn thì không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn cho thấy: giữa nguyên đơn anh L và bị đơn ông Đ, bà Y có giao dịch vay tài sản là tiền được thể hiện trong tờ Giấy hỏi nợ lập ngày

17/01/2020 nên đã làm phát sinh quyền, nghĩa vụ với nhau về hợp đồng vay tài sản được điều chỉnh bởi Bộ luật dân sự.

Ông Đ, bà Y vay số tiền 270.000.000đ của anh L, không có lãi suất, thời hạn vay là 3 ngày, mục đích vay làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng. Quá trình vay, ông Đ, bà Y chỉ trả được số tiền vốn 140.000.000đ, còn nợ lại 130.000.000đ và vay thêm 15.000.000đ, cộng lại số dư nợ là 145.000.000đ (*một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

Đến thời hạn trả nợ, ông Đ, bà Y không thực hiện nghĩa vụ của mình, do đó nguyên đơn anh L khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vốn là có căn cứ.

- Mặc khác từ khi thụ lý vụ án, đến các trình tự thủ tục tố tụng tiếp theo điều đã được thông báo, tổng đạt, niêm yết đúng quy định của pháp luật nhưng ông Đ, bà Y vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh về việc chấp nhận hay phản đối yêu cầu của nguyên đơn nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình.

Từ những căn cứ trên, đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 105, Điều 463, Điều 464, Điều 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, xử buộc bị đơn ông Đ, bà Y có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh L số tiền 145.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị Y đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung vụ án:

[3] Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bên cho vay là anh Nguyễn Duy L với bên vay là ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị Y được thể hiện bằng văn bản được ghi nhận trong tờ “Giấy hỏi nợ lập ngày 17/01/2021”, có chữ ký của vợ chồng ông Đ, bà Y. Theo nội dung tờ giấy hỏi nợ này thể hiện vợ chồng ông Đ,

bà Y vay số tiền 270.000.000đ của anh L; không có lãi suất; thời hạn trả vào ngày 20/01/2020; mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng.

Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên giao kết có nội dung phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham giao ký kết.

Quá trình vay, vào ngày 22/01/2020, vợ chồng ông Đ, bà Y trả cho anh L được số tiền 140.000.000đ, còn nợ lại 130.000.000đ; sau đó vay thêm 15.000.000đ, tổng cộng nợ lại là 1450.000.000đ (*một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

[4] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh L chỉ yêu cầu bị đơn ông Đ, bà Y phải có nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ 145.000.000đ (*một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) và không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán.

[5] Xét về chứng cứ, chứng minh:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Duy L khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và đã cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án là có căn cứ và hợp pháp.

Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị Y không có ý kiến bằng văn bản và không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh (nếu có) về việc chấp nhận hay phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Vào ngày 10 tháng 03 năm 2021, Tòa đã ban hành thông báo số 32/2021/TB-TA về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị Y có ý kiến bằng văn bản và cung cấp tài liệu, chứng cứ (nếu có) để chứng minh cho sự phản đối đó có căn cứ và hợp pháp theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Đ, bà Y mặc dù nhận được thông báo của Tòa án nhưng vẫn không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì về việc có phản đối hay chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét cho bị đơn.

Vì vậy, nguyên đơn anh Nguyễn Duy L khởi kiện là có căn cứ, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị Y phải trả cho anh L số tiền 145.000.000đ (*một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị Y có lỗi nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (145.000.000đ x 5%) là 7.250.000đ (*bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Nguyên đơn anh Nguyễn Duy L không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 , Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Duy L

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị Y có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Duy L số tiền 145.000.000đ (*một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.250.000đ (*bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Hoàn trả cho anh Nguyễn Duy L số tiền tạm ứng án phí 3.625.000đ (*ba triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số TU/2019/0005857 ngày 16 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên Tòa thì được quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Tịnh Biên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- Lưu Hs + Vt.

Châu Nam Phú